

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU ĐỨC
TỈNH BÀ RỊA - VNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 18-6-2021
V/v tranh chấp: “*Yêu cầu ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA - VNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hoa.

2. Bà Đỗ Thị Ngân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vng Tàu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 345/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2020, về tranh chấp: “*Yêu cầu ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2021/QĐXX-ST ngày 02-6-2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Phương M, sinh năm 1988.

HKTT: Tổ 18, thôn H, xã K, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vng Tàu.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 83, thôn T, xã K, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vng Tàu.

Bị đơn: Ông Mạc Như V, sinh năm 1978.

HKTT: Tổ 18, thôn H, xã K, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vng Tàu.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 83, thôn T, xã K, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vng Tàu.

(Bà M, ông V có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, các văn bản làm việc tại Toà án, nguyên đơn bà Ngô Thị Phương M trình bày:

Bà Ngô Thị Phương M và ông Mạc Như V qua thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau đã đi đến kết hôn, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 26/4/2006 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vng Tàu. Thời gian đầu bà M, ông V chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng sau đó thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa bà M và ông V thường

xuyên cãi vã nhau, bất đồng ý kiến trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung. Ông V thường xuyên đánh đập, ghen tuông vô cớ, thường nhắc lại chuyện cũ và chửi bới bà M thậm tệ. Vì muốn giữ gìn hạnh phúc gia đình cho con cái nên bà M đã cố gắng chịu đựng, mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Bà M và ông V đã sống ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay.

Nay nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà M yêu cầu được ly hôn với ông V.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị Phương M yêu cầu được ly hôn với ông Mạc Như V.

Về con chung: Bà Ngô Thị Phương M và ông Mạc Như V có 02 người con chung là cháu Mạc Anh K, sinh ngày 02/07/2005 và cháu Mạc Thị Kim N, sinh ngày 11-8-2007.

Bà Ngô Thị Phương M đồng ý cho ông Mạc Như V được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Mạc Anh K và cháu Mạc Thị Kim N cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Bà Ngô Thị Phương M đồng ý cấp dưỡng để ông Mạc Như V nuôi con chung là cháu N với mức 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Mạc Như V trình bày:

Sau khi tìm hiểu nhau được một thời gian thì ông V và bà M mới đi đến hôn nhân. Bà M và ông V đăng ký kết hôn vào ngày 26/4/2006 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức lễ cưới tại hai bên gia đình. Sau khi kết hôn xong thì cuộc sống vợ chồng vẫn hạnh phúc, sống hạnh phúc nhưng đến năm 2014 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà M bỏ đi theo người đàn ông khác khoảng 03 tháng tại thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, vì thương vợ con nên ông V tha thứ và vợ chồng chung sống lại với nhau, cố gắng nuôi dạy con cái. Tuy nhiên đến khoảng đầu năm 2020 thì vợ chồng lại mâu thuẫn, cãi vã nhau, bất đồng quan điểm, không tôn trọng lẫn nhau. Bà M và ông V đã sống ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay.

Theo ông V thì ông V còn tình cảm với bà M và vì thương con nên ông V không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Bà Ngô Thị Phương M và ông Mạc Như V có 02 người con chung là cháu Mạc Anh K, sinh ngày 02/07/2005 và cháu Mạc Thị Kim N, sinh ngày 11/8/2007.

Ông Mạc Như V có nguyện vọng được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Mạc Anh K và cháu Mạc Thị Kim N cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Ông Mạc Như V yêu cầu bà M cấp dưỡng để ông V nuôi con chung là cháu N với mức 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, về nợ chung: Ông V, bà M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về tố tụng Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án là đúng theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án bà M và ông V chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn. Sau đó phát sinh mâu thuẫn. Bà M yêu cầu được ly hôn với ông V nên Tòa án cần xử chấp nhận yêu cầu của bà M. Về con chung: Bà Ngô Thị Phương M và ông Mạc Như V có 02 người con chung là cháu Mạc Anh K, sinh ngày 02/07/2005 và cháu Mạc Thị Kim N, sinh ngày 11/8/2007. Ông Mạc Như V có nguyện vọng được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Mạc Anh K và cháu Mạc Thị Kim N cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Mạc Như V yêu cầu bà M cấp dưỡng để ông V nuôi con chung là cháu N với mức 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi thì ông V đồng ý nên cần xử ghi nhận sự thỏa thuận này. Về tài sản chung và nợ chung bà M, ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này bà M, ông V có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bà Ngô Thị Phương M và ông Mạc Như V có đăng ký kết hôn vào ngày 26/4/2006 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Nay bà M yêu cầu ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; Nơi cư trú của ông Mạc Như V là xã K, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Ngô Thị Phương M và ông Mạc Như V qua thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau đã đi đến kết hôn, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 26/4/2006 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng sau đó thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà M là do giữa bà M và ông V thường xuyên cãi vã nhau, bất đồng ý kiến trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung. Ông V thường xuyên đánh đập, ghen tuông vô cớ, thường nhắc lại chuyện cũ và chửi bới bà M thậm tệ. Vì muốn giữ gìn hạnh phúc gia đình cho con cái nên bà M đã cố gắng chịu đựng, mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Còn theo ông V thì nguyên nhân mâu thuẫn là do bà M bỏ đi theo người đàn ông khác khoảng 03 tháng tại thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, vì thương vợ con nên ông V tha thứ và vợ chồng chung sống lại với nhau, cố gắng nuôi dạy con cái. Tuy nhiên đến khoảng đầu năm 2020 thì vợ chồng lại mâu thuẫn, cãi vã nhau, bất đồng quan điểm, không tôn trọng lẫn nhau. Bà M và ông V sống ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay. Như vậy giữa bà M và ông V có mâu thuẫn, bà M và ông V sống ly thân là có thật. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà M và ông V ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục

đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà Ngô Thị Phương M được ly hôn với ông Mạc Như V.

[3] *Về con chung*: Bà Ngô Thị Phương M và ông Mạc Như V có 02 người con chung là cháu Mạc Anh K, sinh ngày 02/07/2005 và cháu Mạc Thị Kim N, sinh ngày 11/8/2007. Bà M và ông V thống nhất là ông Mạc Như V được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Mạc Anh K và cháu Mạc Thị Kim N cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bà M cấp dưỡng để ông V nuôi con chung là cháu N với mức 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi thì ông V đồng ý nên cần xử ghi nhận sự thỏa thuận này.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà M, ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này bà M, ông V có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[5] *Về án phí*: Bà M phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung, tổng cộng là 600.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, còn lại bà M phải nộp 300.000 đồng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Ngô Thị Phương M được ly hôn với ông Mạc Như V.

Về quan hệ con chung: Bà Ngô Thị Phương M và ông Mạc Như V có 02 người con chung là cháu Mạc Anh K, sinh ngày 02/07/2005 và cháu Mạc Thị Kim N, sinh ngày 11/8/2007.

Xử ghi nhận sự thỏa thuận của bà M và ông V là ông Mạc Như V được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Mạc Anh K và cháu Mạc Thị Kim N cho đến khi cháu K, cháu N đủ 18 tuổi.

Bà M cấp dưỡng để ông V nuôi con chung là cháu N với mức 2.000.000 (Hai triệu) đồng/tháng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bà M được quyền thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con hoặc yêu cầu người không trực tiếp nuôi dưỡng con phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà M, ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này bà M, ông V có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

Về án phí: Bà M phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung, tổng cộng là 600.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà bà M đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức theo biên lai số: TU/2020/0004820 ngày 10-8-2020, còn lại bà M phải nộp 300.000 đồng án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18-6-2021), đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR - VT;
- VKSND H.Châu Đức;
- Cơ quan THA dân sự H.Châu Đức;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Loan